

Số: 1151/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 24 tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính; quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực khoa học công nghệ và môi trường liên quan tới tiếp cận nguồn gen thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành



chính bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1525/TTr-SNN ngày 10 tháng 4 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính; quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai, như sau:

#### **1. Thủ tục hành chính:**

a) Ban hành bổ sung 01 thủ tục hành chính, mã số 1.008838 thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.

b) Sửa đổi, bổ sung (phân cấp thẩm quyền xử lý từ cấp tỉnh về cấp huyện) 02 thủ tục hành chính:

- Thủ tục hành chính có mã số 1.000045 đã được công bố tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Thủ tục hành chính có mã số 1.000047 đã được công bố tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

#### **2. Quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính:**

a) Ban hành mới 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính có mã số 1.008838 thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã.

b) Sửa đổi, bổ sung (chuyển quyền xử lý từ cấp tỉnh về cấp huyện) 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính có mã số: 1.000045 (đã được ban hành tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023) và 1.000047 (đã được ban hành tại Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh).

*(Danh mục thủ tục hành chính; quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung kèm theo).*

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các nội dung khác tại Quyết định số 863/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định số 651/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.



**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên trang Thông tin điện tử; tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương; triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền theo quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật công khai nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố; cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT- TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (1022);
- Lưu: VT, KTN, Công TTĐT tỉnh, HCTC, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Sơn Hùng**



## Phần I



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI**  
*Kèm theo Quyết định số MS/1/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG CẤP XÃ**

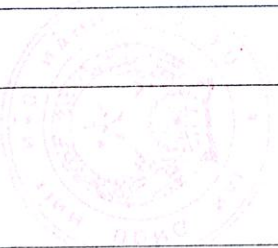
Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý <sup>1</sup>	Ghi chú <sup>2</sup>	
I	<b>Lĩnh vực Khoa học công nghệ và môi trường</b>								
01	1.008838	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa UBND cấp xã	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: UBND cấp xã; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã.	Không quy định	- Luật số 20/2008/QH12; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP của Chính phủ.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 3480/QĐ-BNN-KHCN ngày 01/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN**

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
I	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp</b>								
I	1.000045	Xác nhận băng kê lâm sản	- Trường hợp không xác minh: 02 ngày	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan Kiểm lâm sở tại;	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông	Nội dung TTHC thực hiện theo: Quyết định	

<sup>1</sup> Phần chữ In nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung

<sup>2</sup> Đã được công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và Trang dịch vụ công tỉnh Đồng Nai (<https://dichvucong.dongnai.gov.vn>)

Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			<p>làm việc; - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; - Trường hợp phải xác minh nhiều nội dung: 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p>	<p>đến Bộ tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm</p>	<p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan Kiểm lâm sở tại.</p>		<p>thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp. - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. - Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm</p>	<p>số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>



Stt	Mã TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
2	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	10 ngày.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Hạt Kiểm lâm các huyện và thành phố Long Khánh, Biên Hòa. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm các huyện và thành phố Long Khánh, Biên Hòa.	Không	- Điều 6 Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.	Nội dung thực hiện theo Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

## Phần II

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH  
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

Kiểm theo Quyết định số MS/1 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)



A. DANH MỤC QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG LĨNH VỰC KHOA  
HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CẤP XÃ

Stt	Mã số TTHC	Tên quy trình điện tử bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang (Tại Phần III)
1	1.008838	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày làm việc.	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phần một cửa UBND cấp xã	Cấu hình mới	1

B. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP ĐƯỢC  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

Stt	Mã số TTHC	Tên quy trình nội bộ sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Quy trình nội bộ	Số trang (Tại Phần III)
1	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không xác minh: 02 ngày làm việc; - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc; - Trường hợp phải xác minh nhiều nội dung: 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	Sửa đổi	2
2	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	10 ngày		Sửa đổi	3



**Phần III****NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**I. QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỔ SUNG LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ**

**1. Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Mã số TTHC: 1.008838)**

a) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc

b) Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/ cá nhân.	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã	0,5
Thẩm định và giải quyết hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện xác nhận vào Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích do tổ chức, cá nhân đề nghị. Trình lãnh đạo; - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: soạn văn bản trả lời và nêu rõ lý do; dừng xử lý hồ sơ (SOS)	→	Bộ phận chuyên môn do UBND cấp xã phân công	1,5
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	→	Lãnh đạo UBND cấp xã	0,5
Nhận kết quả từ UBND cấp xã và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã	0,5



## II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

### 1. Xác nhận bằng kê lâm sản (Mã số TTHC 1.000045)

#### 1.1. Trường hợp không phải xác minh:

- Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân và Chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,25
Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Hạt	0,25
Giải quyết hồ sơ	→	Bộ phận chuyên môn	1
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Hạt	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,25

#### 1.2. Trường hợp phải xác minh:

- Thời hạn giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân và Chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,25
Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Hạt	0,25
Giải quyết hồ sơ	→	Bộ phận chuyên môn	3
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Hạt	0,25
Nhận và chuyển hồ sơ	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,25

### 1.3 Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp

- Thời hạn giải quyết: 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức, cá nhân và Chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,5
Chuyển bộ phận chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Hạt	0,5
Giải quyết hồ sơ	→	Bộ phận chuyên môn	5,5
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Hạt	1
Nhận và chuyển hồ sơ	→	Bộ Phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,5

### 2. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (Mã số TTHC 1.000047)

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày
- Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Chuyển xử lý	Đơn vị thực hiện	Thời hạn giải quyết
Nhận và chuyển hồ sơ cho bộ phận chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	1
Giải quyết hồ sơ (Trường hợp hồ sơ hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày thông báo bằng văn bản)	→	Bộ phận quản lý BTTN	8
Ký duyệt hồ sơ	→	Lãnh đạo Hạt	0,5
Chuyển kết quả trực tuyến đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Hạt Kiểm lâm sở tại	0,5